

**TÒA AN NH DÂN
HUYỆN ĐÀM D, TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản An số: 53/2025/DS-ST

Ngày 28 - 02 - 2025

V/v trẢ chấp thừa kế quyền sử dụng
đất, hợp đồng tặng cho quyền sử dụng
đất, hợp đồng chuyển Nhượng quyền sử
dụng đất và hợp đồng cầm cố quyền sử
dụng đất.

**NH DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA AN NH DÂN HUYỆN ĐÀM D, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Ph - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Ng Mai

CÁC Hội thẩm Nh dân:

Bà Nguyễn Kim Kết

Ông Hồ ThA Phong

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My L Thư ký Toà An Nh dân huyện
Đàm D.

- Đại diện Viện kiểm sAt Nh dân huyện Đàm D tham gia phiên tòa: Ông
Dương Tấn Viễn – Kiểm sAt viên.

Vào ngày 28 thAng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa An Nh dân huyện Đàm D
xét xử sơ thẩm công khai vụ An dân sự thụ lý số: 679/2023/TLST-DS ngày 20
thAng 10 năm 2023 về việc “TrẢ chấp thừa kế quyền sử dụng đất, hợp đồng tặng
cho quyền sử dụng đất, hợp đồng chuyển Nhượng quyền sử dụng đất và hợp đồng
cầm cố quyền sử dụng đất” theo Quyết định đưa vụ An ra xét xử số:
509/2024/QĐXXST-DS ngày 26 thAng 12 năm 2024 giữa cAc đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Thang Thị Th, sinh năm 1961, địa chỉ cư trú: Ấp Nhị Ng,
xã Trần Ph, huyện Đàm D, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp phAp của bà Thang Thị Th: Bà Thang Thị H, sinh năm
1963, địa chỉ cư trú: Ấp Nhị Ng, xã Trần Ph, huyện Đàm D, tỉnh Cà Mau. L người
đại diện theo ủy quyền - văn bản ủy quyền ngày 24/4/2023 (có mặt).

2. Bị đơn:

2.1. Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1967; địa chỉ cư trú: Ấp Nhị Ng, xã Trần
Ph, huyện Đàm D, tỉnh Cà Mau (có mặt).

2.2. Chị Thang Thý H; địa chỉ cư trú: Ấp Nhị Ng, xã Trần Ph, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2.3. Anh Thang Lê B; địa chỉ cư trú: Ấp Nhị Ng, xã Trần Ph, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2.4. Chị Thang Thị Loan A; địa chỉ cư trú: Ấp Nhị Ng, xã Trần Ph, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Thang Thị Đ, sinh năm 1972; địa chỉ cư trú: Ấp Nhị Ng, xã Trần Ph, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau (có mặt).

3.2. Bà Thang Thị Th (Phan Thị Th), sinh năm 1966; địa chỉ cư trú: Ấp T Đ, xã T Duyệt, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau (có mặt).

3.3. Bà Thang Thị H, sinh năm 1963; địa chỉ cư trú: Ấp Nhị Ng, xã Trần Ph, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau (có mặt).

3.4. Chị Thang Thị Ng; địa chỉ cư trú: Ấp Chà L, xã Trần Ph, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

3.5. A Thang Hải Đ, sinh năm 1990; địa chỉ cư trú: Ấp Ngã B, xã Trần Ph, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

3.6. Bà Trần Thị N, sinh năm 1968; địa chỉ cư trú: Ấp Chà L, xã Trần Ph, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

3.7. A Thang Văn T (Thang Đoàn Duy T), sinh năm 1994; địa chỉ cư trú: khóm 7, phường 7, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

3.8. A Thang Văn Nh (Thang Đoàn Hữu Nghi), sinh năm 1991; địa chỉ cư trú: khóm 7, phường 7, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

3.9. Chị Thang Thị S (Thang Thị Ai S), sinh năm 1988; địa chỉ cư trú: khóm 7, phường 7, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

3.10. Chị Thang Thị Ch (Thang Thị Ng Ch), sinh năm 1985; địa chỉ cư trú: khóm 7, phường 7, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

3.11. Chị Thang Thị Ch (Thang Thị Trân Ch), sinh năm 1983; địa chỉ cư trú: khóm 7, phường 7, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

3.12. Bà Đoàn Thị Ng, sinh năm 1964; địa chỉ cư trú: khóm 7, phường 7, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

3.13. Bà Thang Thị Ch, sinh năm 1955; địa chỉ cư trú: Ấp T Tr, xã T Duyệt, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Thang Thị Ch: Bà Nguyễn Tô Nh – Luật sư ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý của Tr tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cà Mau (có mặt).

3.14. Ông Thang Văn Th, sinh năm 1953; địa chỉ cư trú: khóm 8, phường 7, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

3.15. Bà Thang Mỹ Đ; địa chỉ cư trú: Đường 19/5, khóm 4, thị trấn Đầm D, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau (có mặt).

3.16. Ông Trần Minh Ph, sinh năm 1972; địa chỉ cư trú: Ấp Công Đ, xã T Tr, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau (có mặt).

3.17. Chị Nguyễn Thị A, sinh năm 1974; địa chỉ cư trú: Ấp Công Đ, xã T Tr, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau (có mặt).

3.18. Bà Lâm Mỹ Nh; địa chỉ cư trú: khóm 8, phường 7, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

3.19. Ông Trần Quốc Tr, sinh năm 1968; Đường 19/5, khóm 4, thị trấn Đầm D, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ AN:

** Người đại diện theo ủy quyền của bà Th – bà Thang Thị H trình bày:*

Cha mẹ bà L ông Thang Văn Th (chết năm 1998) và bà Nguyễn Thị Th (chết năm 2021) có tất cả gồm 09 người con gồm: Thang Văn Cuộc (chết năm 2022), Thang Văn Thộc, Thang Thị Ch, Thang Văn Lân (chết năm 2010), Thang Văn Lân (chết năm 2003), Thang Thị Th, Thang Thị H, Thang Thị Th và Thang Thị Đ.

Sinh thời ông Th và bà Th có tạo lập được 02 phần đất, cụ thể: phần thứ nhất diện tích 10.000m² và phần thứ hai diện tích 35.100m² cùng tọa lạc tại ấp Nhị Ng, xã Trần Ph, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau. Khi còn sống cha mẹ bà có phân chia đất cho cAc con, cụ thể Nh Su:

- Phần đất diện tích 10.000m² cho 02 người con gAi L Thang Thị Th và Thang Thị Đ. Bà Th và bà Đ có nghĩa vụ quản lý mồ mã và thờ cúng cha mẹ. Hiện tại phần đất này do bà Th và bà Đ quản lý.

- Phần đất diện tích 35.000m² chia cho ông Cuộc, ông Thộc, ông Lân và ông Lân mỗi người được hưởng 5 công tầm lớn. Bà Th và bà Đ 4 công tầm lớn. Phần ông Thộc và ông Lân được tặng cho đã chuyển Nhọng cho bà Thang Mỹ Đ, bà Đ đã lên rA sử dụng riêng; phần còn lại khi ông Cuộc còn sống thì ông Cuộc và bà Thủy cầm cố cho ông Ph và bà A một phần và quản lý sử dụng một phần.

Qua đo đạc thực tế, phần đất bà Th và bà Đ quản lý L 8.350,1m² (theo quyền sử dụng ông Th được cấp L 10.000m², thửa số 237) yêu cầu công nH cho bà Th và bà Đ hưởng theo đo đạc thực tế; Phần còn lại theo quyền sử dụng có diện tích 35.100m², theo đo đạc thực tế L 40.258,1m², trong đó: phần đất ông Thộc và ông Lân chuyển Nhọng cho bà Đ thống nhất công nH cho bà Đ được hưởng phần đất chuyển Nhọng theo đo đạc thực tế L 13.054,1m²; Phần đất ông Ph và bà A cầm cố của ông Cuộc và bà Thủy diện tích 18.840,5m² yêu cầu ông Ph và bà A giao lại để phân chia thừa kế cùng với phần đất cAc bị đơn đang quản lý, cụ thể: chia cho hàng thừa kế của ông Cuộc 5 công tầm lớn, chia cho bà Th 2 công tầm lớn, chia cho bà Đ 2 công tầm lớn, chia cho hàng thừa kế của ông Lân 5 công tầm lớn. Phần còn lại L 9.060m² chia đều cho bà Thang Thị Ch, Thang Thị H và Thang Thị Th mỗi người được hưởng 3.020m².

Đối với tài sản trên đất gồm ngôi nhà của bà Th và bà Đ gắn liền với phần đất 8.350,1m² không còn giá trị, giao cho bà Th và bà Đ hưởng; Ngôi nhà, công xở và cây trồng trên đất của bà Thủy và cAc con bà Thủy giao cho bà Thủy và cAc con bà Thủy hưởng. Về giá trị đất, theo bà xAc định giá đất L 70.000 đồng/m². Không yêu cầu định giá tài sản.

** Bị đơn bà Nguyễn Thị Thủy trình bày:* Bà thống nhất với trình bày của bà H về mối quan hệ gia đình, diện tích đất của ông Th và bà Th tạo lập và đã phân chia cho cAc con Nh bà H trình bày L đúng. Đối với phần đất diện tích 35.000m² chia cho ông Cuộc, ông Thộc, ông Lấn và ông Lân mỗi người được hưởng 5 công tầm lớn. Bà Th và bà Đ 4 công tầm lớn. Phần ông Thộc và ông Lấn được tặng cho đã chuyển Nhượng cho bà Thang Mỹ Đ, bà Đ đã lên rA sử dụng riêng; phần còn lại do bà và ông Cuộc quản lý toàn bộ. Khi ông Cuộc còn sống có thống nhất cầm cố cho A Ph và chị A phần đất diện tích 17 công, giá 12 lượng vàng 24k, phần còn lại vẫn do bà và cAc con bà quản lý.

Qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, bà có ý kiến Nh Su: Đối với phần đất 10.000m² qua đo đạc thực tế L 8.350,1m² do bà Th và bà Đ quản lý thống nhất cho bà Th và bà Đ hưởng; Đối với phần đất ông Thộc và ông Lấn chuyển Nhượng cho bà Đ thống nhất công nh cho bà Đ được hưởng phần đất chuyển Nhượng theo đo đạc thực tế L 13.054,1m²; Phần đất ông Ph và bà A cầm cố của vợ chồng bà theo đo đạc thực tế L 18840.m², bà đồng ý vô hiệu hợp đồng, đồng ý cùng hàng thừa kế của ông trả lại cho A Ph và chị A 12 lượng vàng 24k, yêu cầu A Ph chị A giao lại diện tích đất cầm cố để phân chia thừa kế; đồng ý cho hàng thừa kế của ông Lấn hưởng 5 công tầm lớn, bà Th và bà Đ hưởng 4 công tầm lớn, bà yêu cầu cho bà và cAc con của bà được hưởng kỷ phần của ông Thộc được tặng cho và yêu chia thừa kế theo pháp luật đối phần đất còn dư còn lại theo quy định vì phần này trước đây ông Th và bà Th chưa phân chia. Hiện tại bà đang quản lý tổng diện tích 8.363,5m², Su khi trừ đi 5 công tầm lớn bằng 6.480m² ông Cuộc được tặng cho, 1 kỷ phần thừa kế theo pháp luật L 1.006,6m² thì phần dư còn lại L 876,8m² bà và cAc con bà yêu cầu được hưởng do bà đang thờ cúng ông bà.

** Bị đơn A Thang Lê B, chị Thang Loan A và chị ThA Thý H có đơn yêu cầu đề ngày 19/12/2024 thể hiện:*

Yêu cầu cho đồng thừa kế của ông Cuộc gồm vợ L bà Nguyễn Thị Thủy, cAc con gồm Thang Lê B, ThA Thị Loan A và Thang Thý H được hưởng phần đất mà trước đây ông Cuộc được ông Th và bà Th tặng cho L 5 công tầm lớn và yêu cầu được hưởng thêm 2.000m² để thờ cúng ông bà.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Th trình bày:* Lời trình bày của bà H về quan hệ gia đình và di sản của ông Th, bà Th để lại L đúng. Bà thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà Th, bà yêu cầu được hưởng thừa kế đối với phần đất cha mẹ bà chưa phân chia có diện tích 3.020m².

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Đ trình bày:*

Chị thống nhất với trình bày của bà H về quan hệ gia đình cũng Nh việc phân chia đất của cha mẹ chị cho cAc con L đúng. Phần chị được cha mẹ tặng cho

chị và bà Th gồm phần đất diện tích 8.350,1m² Thộc thửa số 291, 4 công tầm lớn và 1 kỷ phần thừa kế theo pháp luật đối với phần đất còn lại cha mẹ chị chưa phân chia tại thửa số 1097 chị yêu cầu được hưởng.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Thộc trình bày:* Ông L con của ông Th và bà Th, cha mẹ ông khi còn sống đã phân chia đất cho các con Nh và H trình bày L đúng. Trước đây ông cũng được cha mẹ ông cho phần đất 5 công tầm lớn Nhng ông đã thống nhất chuyển Nhợng cho bà Thang Mỹ Đ vào năm 2006, bà Đ đã quản lý sử dụng đất, tiền chuyển Nhợng đất ông đã nh đủ. Ông thống nhất với yêu cầu khởi kiện độc lập của bà Đ, đồng ý công nh hợp đồng chuyển Nhợng quyền sử dụng đất giữa ông với bà Đ thiết lập ngày 04/8/2006. Đối với diện tích đất còn lại mà cha mẹ ông chưa phân chia ông cũng yêu cầu được hưởng 1 kỷ phần Nhng thống nhất giao lại cho 02 người em gái L Th và Đ hưởng. Do lớn tuổi, điều kiện đi lại khó khăn nên ông xin từ chối tham gia tố tụng trong vụ An.

** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Thang Thị Ch - Bà Nguyễn Tổ Nh trình bày:*

Bà thống nhất với trình bày của bà H, đồng ý công nh cho bà Th và bà Đ được hưởng diện tích đất tích 8.350,1m² Thộc thửa đất số 291, 4 công tầm lớn Thộc thửa đất số 1097. Phần đất ông Thộc và ông Lân đã chuyển Nhợng cho bà Đ thống nhất công nh cho bà Đ. Hợp đồng cầm cố giữa ông Cuộc và bà Thủy với A Ph và chị Ý thống nhất ý kiến với các đương sự L vô hiệu hợp đồng cầm cố, yêu cầu A Ph và chị A giao lại phần đất cầm cố cho các đồng thừa kế phân chia. Phần bà Ch thì yêu cầu được hưởng 1 kỷ phần thừa kế đối với phần đất ông Th và bà Th chưa phân chia Nhng đồng ý giao cho bà Th và bà Đ hưởng.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Thang Mỹ Đ trình bày:*

Vào ngày 12/12/2023 ông Lân có thống nhất Lm hợp đồng chuyển Nhợng cho bà phần đất diện tích 6.500m², giá chuyển Nhợng L 125 chỉ vàng 24k; ngày 04/8/2006 ông Thộc cũng Lm hợp đồng chuyển Nhợng cho bà phần đất diện tích 6.480m², giá 80 chỉ vàng 24k. 02 phần đất trên liền kề nhau nên bà đã lên ra sử dụng chung từ khi nh chuyển Nhợng, số vàng chuyển Nhợng bà cũng đã trả to An đủ cho ông Lân và ông Thộc. Theo bà biết thì phần đất này ông Thộc và ông Lân được ông Th và bà Th tặng cho Nhng chưa Lm thủ tục Sng tên cho ông Lân. Từ khi nh chuyển Nhợng đất đến nay bà không Lm thủ tục đứng tên được do khi ông Cuộc cầm cố đất cho A Ph và chị A thì giao Giấy chứng nh quyền sử dụng đất cho A Ph và chị A quản lý. Nay bà yêu cầu công nh hợp đồng chuyển Nhợng giữa bà với ông Thộc và ông Lân, công nh phần đất chuyển Nhợng theo đo đạc thực tế L 13.054,1m² Thộc quyền sử dụng của bà.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan A Ph trình bày:*

Vào năm 2021, A có thỏa TH với ông Cuộc và bà Thủy cầm cố của ông Cuộc và bà Thủy diện tích đất 15 công, giá 11 lượng và 24k, thời hạn cầm cố L 3 năm. Su khi cầm cố thì A cho ông Cuộc và bà Thủy Thê lại mỗi năm giá 1 lượng vàng 24k. Tuy nhiên, Su 1 năm ông Cuộc và bà Thủy không trả vàng Thê mà thống nhất Lm lại hợp đồng cầm cố lại, tổng cộng diện tích đất cầm cố L 17

công, giá 12 lượng vàng 24k. Đến năm 2023 hết hạn hợp đồng, thời điểm này ông Cuộc cũng đã chết nên vợ con ông Cuộc có Lm giấy giao đất lại cho A trực tiếp cA tAc chứ không Thê lại N. Giấy chứng nh quyền sử dụng đất bản gốc do ông Th đứng tên hiện do A quản lý. Khi vào sử dụng A có lên rA tạm để sử dụng riêng. Nay hàng thừa kế của ông Th và bà Th có trA chấp về thừa kế liên quan đến phần đất A đang cầm cố thì A thống nhất giao lại đất cho bà Thủy và cAc con bà Thủy, yêu cầu bà Thủy và hàng thừa kế ông Cuộc trả cho A 12 lượng vàng 24k.

* *Chị A trình bày:* Chị thống nhất với trình bày và yêu cầu của A Ph, không có ý kiến bổ sung.

* *A Thang Hải Đ có đơn đề ngày 15/01/2025 gửi Tòa An thể hiện:* Cha A L Thang Văn Lân, cha A chết năm 2003. Đối với phần đất cha A được ông bà nội tặng cho 5 công tầm lớn A yêu cầu được hưởng. Phần còn lại ông bà nội A chưa phân chia A yêu cầu được hưởng 1 kỷ phần Nhng thống nhất giao lại cho bà Th và bà Đ hưởng.

* *Chị Thang Thị Ai S có đơn đề ngày 16/01/2025 gửi Tòa An thể hiện:* Chị L con của ông Thang Văn Lân, cha chị chết năm 2010. Trước đây ông bà nội chị có phân chia cho cha chị được hưởng phần đất 5 công tầm lớn Nhng theo chị biết đã chuyển Nhọng cho bà Thang Mỹ Đ, bà Đ đã quản lý sử dụng đất. Chị thống nhất giữ nguyên việc chuyển Nhọng, đồng ý công nh phần đất cha chị đã chuyển Nhọng cho bà Đ. Đối với phần đất còn lại ông bà nội chị chưa chia chị cũng yêu cầu được hưởng 1 kỷ phần Nhng thống nhất tặng cho bà Th và bà Đ.

* Đối với bà Trần Thị N, A Thang Văn T, A Thang Văn Nh, chị Thang Thị S, chị Thang Thị Ch, chị Thang Thị Ch, bà Đoàn Thị Ng, bà Lâm Mỹ Nh và ông Trần Quốc Tr L người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ An, đã được Tòa An tổng đạt hợp lệ cAc văn bản tố tụng Nhng không có ý kiến gì về nội dung cAc đương sự đang đặt ra trA chấp và không tham gia hòa giải, xét xử.

Tại phiên tòa,

Bà H, bà Th, bà Đ và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Ch thống nhất giao cho đồng thừa kế của ông Cuộc gồm bà Thủy, A Lê B, chị H, chị Loan A được hưởng toàn bộ phần đất đang quản lý diện tích 8.363,5m². Phần còn lại yêu cầu phân chia thừa kế L toàn bộ phần đất A Ph và chị A cầm cố có diện tích L 18.840,5m², Su khi trừ đi 9 công tầm lớn do ông Th và bà Th đã phân chia cho ông Lân 5 công, chị Đ 2 công và bà Th 2 công thì phần còn lại 7.176,5m² chia cho 8 kỷ phần còn lại, mỗi kỷ phần bằng 897,1m². CAc kỷ phần của ông Thộc, bà Ch, ông Lân, ông Lân, bà H và bà Th được hưởng thống nhất giao cho bà Th và bà Đ hưởng.

Đại diện Viện kiểm sát Nh dân huyện Đầm D phAt biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ An của Thẩm Ph, của Hội đồng xét xử, thư ký L đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật nên không có kiến nghị, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ cAc Điều 117, 119, 122, 123, 131, 129, khoản 1 Điều 459, Điều 500, 501, 502, 649, 650, 651, 652 Bộ luật

dân sự năm 2015; Điều 166, 167 luật đất đai năm 2013; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Bn Thường vụ Quốc hội quy định về mức Th, miễn, giảm, Th, nộp, quản lý và sử dụng An phí và lệ phí Tòa An. Tuyên xử:

- Chấp nH yêu cầu khởi kiện của bà Th và yêu cầu độc lập của bà Đ, bà H, bà Ch, ông Thộc và bà Th. công nH cho bà Th và bà Đ được hưởng diện tích đất 8.350,1m² Thộc thửa đất số 291 tờ bản đồ số 10 tại ấp Nhị Ng, xã Trần Ph, huyện Đàm D, tỉnh Cà Mau; công nH cho bà Th và bà Đ được hưởng diện tích đất 10.566,4m² Thộc thửa đất số 1097, tờ bản đồ số 10 tại ấp Nhị Ng, xã Trần Ph, huyện Đàm D, tỉnh Cà Mau.

- Chấp nH yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị Thủy, chị Thang Thị Loan A, A Thang Lê B và chị Thang Thúy H, giao cho bà Thủy, A Lê B, chị Thúy H và chị Loan A được hưởng diện tích đất 8.363,5m² Thộc thửa đất số 1097 tờ bản đồ số 10 tại ấp Nhị Ng, xã Trần Ph, huyện Đàm D, tỉnh Cà Mau.

- Chấp nH yêu cầu độc lập của bà Thang Mỹ Đ, công nH hợp đồng chuyển Nhượng giữa Thang Mỹ Đ, ông Trần Quốc Tr với ông Thang Văn Thộc, bà Lâm Mỹ Nh lập ngày 10/7/2006 và hợp đồng chuyển Nhượng giữa ông Thang Văn Lân với bà Thang Mỹ Đ thiết lập ngày 12/12/2003 đối với diện tích đất 13.054,1m² Thộc thửa đất số 1097 tờ bản đồ số 10 tại ấp Nhị Ng, xã Trần Ph, huyện Đàm D, tỉnh Cà Mau.

- Chấp nH yêu cầu độc lập của A Trần Minh Ph và chị Nguyễn Thị A. Tuyên bố hợp đồng cầm cố giữa A Ph, chị A với ông Cuộc và bà Thủy lập năm 2021 L vô hiệu. Buộc A Ph và chị A giao lại diện tích đất 18.840,5m² để phân chia cho cAc đồng thừa kế. Buộc hàng thừa kế của ông Cuộc gồm bà Thủy, chị Loan A, A Lê B và chị H có nghĩa vụ trả cho A Ph và chị A 12 lượng vàng 24k.

- Đối với phần đất 5 công tầm lớn ông Thang Văn Lân được ông Th tặng cho và kỷ phần thừa kế được hưởng theo phAp luật có tổng diện tích L 7.377,3m² giao cho đồng thừa kế của ông Thang Văn Lân gồm: A Thang Hải Đ, chị Thang Thị Ng và bà Trần Thị N quản lý.

- Giao cho hàng thừa kế của ông Lân gồm: Thang Văn T, Thang Văn Nh, Thang Thị S, Thang Thị Ch, Thang Thị Ch, Đoàn Thị Ng được hưởng thừa kế đối với diện tích đất 897,1m².

Về chi phí tố tụng và An phí dân sự sơ thẩm: CAc đương sự phải chịu theo quy định.

NH ĐỊNH CỦA TÒA AN:

[1] Về thủ tục tố tụng: A Thang Lê B, chị Thang Thị Loan A, chị Thang Thị Ng, A Thang Hải Đ, bà Trần Thị N, A Thang Văn T, A Thang Văn Nh, chị Thang Thị S, chị Thang Thị Ch, chị Thang Thị Ch, bà Đoàn Thị Ng, bà Thang Thị Ch, ông Thang Văn Thộc, bà Lâm Mỹ Nh, ông Trần Quốc Tr có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với cAc đương sự L đúng quy định.

[2] Về quan hệ pháp luật trả chấp: Bà Th, bà Đ yêu cầu được hưởng phần đất được ông Th và bà Th tặng cho; bà Đ yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà với ông Thộc, ông Lấn; A Ph và chị A yêu cầu tòa An tuyên vô hiệu hợp đồng cầm cố đất giữa A Ph, chị A với ông Cuộc và bà Thủy; bà Th, bà Đ, bà Ch, bà H, bà Th yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với phần đất còn lại của ông Th và bà Th. Do đó quan hệ pháp luật trả chấp được xác định L trả chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất và thừa kế quyền sử dụng đất, Thộc thẩm quyền giải quyết của Tòa An theo quy định tại khoản 3 và khoản 5 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về phạm vi khởi kiện:

Bà H, bà Th và bà Ch yêu cầu chia thừa kế đối với phần đất còn lại ông Th và bà Th L 9.059,5m², mỗi người được hưởng 3.020m². Tại phiên tòa, bà H, bà Ch và bà Th thay đổi yêu cầu độc lập, yêu cầu mỗi người được hưởng kỷ phần thừa kế diện tích 897,1m² nhưng thống nhất giao cho bà Th và bà Đ hưởng. Xét thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của bà H, bà Ch, bà Th không vượt quá phạm vi khởi kiện Ban đầu theo quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

[4] Về nội dung vụ An: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ An thể hiện:

Ông Thang Văn Th và bà Nguyễn Thị Th có 02 thửa đất tại ấp Nhị Ng, xã Trần Ph, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau, cụ thể: thửa đất số 291 có diện tích 8.350,1m² và thửa đất số 1097 có diện tích 40.258,1m².

Các đương sự trình bày thống nhất với nhau về quan hệ gia đình, nguồn gốc đất mà Th đứng tên và xác định toàn bộ diện tích đất L tài sản chung của ông Th và bà Th. Việc phân chia đất của ông Th và bà Th cho các con được đa số các đồng thừa kế và bị đơn thừa nhận, đối với hàng thừa kế của ông Lấn và ông Lấn đã được tòa An tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến nên đây được xem L tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4.1] Xét yêu cầu độc lập của bà Thang Mỹ Đ thấy rằng: Hợp đồng chuyển nhượng giữa bà Đ với ông Lấn lập ngày 12/12/2003 và Hợp đồng chuyển nhượng giữa bà Đ và ông Thộc lập ngày 04/8/2006 thấy rằng:

Về hình thức: Các hợp đồng chuyển nhượng trên chưa đảm bảo về hình thức về công chứng chứng thực theo quy định tại khoản 1 Điều 502 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về nội dung: Bà Đ nhận chuyển nhượng đất từ ông Thộc và ông Lấn nhưng thực tế phần đất ông Thộc và ông Lấn được ông Th và bà Th tặng cho, chưa làm thủ tục chuyển tên. Thời điểm ông Thộc và ông Lấn chuyển nhượng đất cho bà Đ bà Th còn sống nhưng không có ý kiến phản đối, các đồng thừa kế của ông Th và bà Th cũng thừa nhận ông Thộc và ông Lấn đã được tặng cho mỗi người 5 công tâm lớn và đã chuyển nhượng cho bà Đ. Ông Thộc thống nhất với yêu cầu của bà Đ,

hàng thừa kế của ông Lấn chỉ có chị S – con ông Lấn có ý kiến về hợp đồng chuyển Nhượng giữa ông Lấn và bà Đ và xác định ông Lấn có chuyển Nhượng đất cho bà Đ, thống nhất cho bà Đ được hưởng phần đất chuyển Nhượng.

Xét thấy, hợp đồng chuyển Nhượng giữa cAc bên về hình thức không đúng theo quy định của pháp luật Nhng từ khi nh chuyển Nhượng đất thì bà Đ đã lên ra sử dụng đất ổn định. Số tiền chuyển Nhượng bên chuyển Nhượng đất đã nh đủ. Theo khoản 2 Điều 129 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: “2. *Giao dịch dân sự đã được xác lập bằng văn bản Nhng vi phạm bắt buộc về công chứng, chứng thực mà một bên hoặc cAc bên đã thực hiện ít nhất hai phần B nghĩa vụ trong giao dịch thì theo yêu cầu của một bên hoặc cAc bên, Tòa An ra quyết định công nh hiệu lực của giao dịch đó. Trong trường hợp này cAc bên không phải thực hiện việc công chứng, chứng thực*”.

Đối chiếu với quy định trên, có cơ sở chấp nh yêu cầu độc lập của bà Đ công nh hiệu lực của hợp đồng chuyển Nhượng giữa bà Đ với ông Lấn lập ngày 12/12/2003 và Hợp đồng chuyển Nhượng giữa bà Đ và ông Thộc lập ngày 04/8/2006 đối với phần đất diện tích 13.054,1m², Thộc thừa đất số 1097, tờ bản đồ số 10 tại ấp Nhị Ng, xã Trần Ph, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau Thộc quyền sử dụng của bà Đ L phù hợp. Vị trí phần đất công nh cho bà Đ Nh Su: Hướng Đông: đoạn M7M8 = 124,29m, M8M9 = 28.18, M9M10 = 55.55m; Hướng nam: đoạn M10M11 = 42.10m, từ điểm M11 đo về hướng nam dài 22.10m gọi L điểm M12 (M11M12 = 22.10m); hướng tây: M6M12 = 224.59m; hướng bắc: M6M7 = 59.27m.

[4.2] Xét yêu cầu độc lập của A Ph và chị A thấy rằng:

Hợp đồng cầm cố đất giữa bà Thủy và ông Cuộc với A Ph và chị A thiết lập vào năm 2021: theo đó ông Cuộc và bà Thủy cầm cố cho A Ph và chị A diện tích 17 công, giA cầm cố L 12 lượng vàng 24k. Theo quy định tại Điều 166, 167 Luật đất đai năm 2013 và quy định của pháp luật về đất đai thì người sử dụng đất không có quyền cầm cố đất, do đó căn cứ vào cAc Điều 122, 123 Bộ luật dân sự năm 2015 việc xác định hợp đồng cầm cố giữa ông Cuộc và bà Thủy với A Ph và chị A L vô hiệu. Theo Điều 131 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về giao dịch dân sự vô hiệu sẽ không Lm phAt sinh, thay đổi, chấm dứt quyền và nghĩa vụ của cAc bên kể từ khi xác lập, cAc bên khôi phục lại tình Tr Bn đầu, trao trả cho nhau những gì đã nh. Bà Thủy cũng thống nhất với yêu cầu độc lập của A Ph và chị A, yêu cầu A Ph và chị A giao lại diện tích đất cầm cố cho cAc đồng thừa kế của ông Th và bà Th để phân chia, bà và cAc con bà thống nhất trả cho A Ph và chị A 12 lượng vàng 24k. Do đó, cần cần chấp nh yêu cầu độc lập của A Ph và chị A. Tuyên bố hợp đồng cầm cố giữa A Ph, chị A với ông Cuộc và bà Thủy lập năm 2021 L vô hiệu. Buộc A Ph và chị A giao lại phần đất cầm cố theo đo đạc thực tế L 18.840,5m² cho đồng thừa kế của ông Th và bà Th. Buộc bà Thủy, A Lê B, chị Thúy H và chị Loan A có nghĩa vụ trả cho A Ph và chị A 12 lượng vàng 24k. Vị trí phần đất buộc A Ph và chị A giao lại Nh Su: Hướng đông: đoạn M6M12 = 224.59m; hướng tây: từ điểm M3 đo về hướng nam dài 193.19m gọi Lm điểm M15 (M3M15 = 193.19m), hướng nam:

M12M15 = 107.04m; Hướng Bắc: M5M6 = 36.76m, M5M4 = 40.8m, M4M3 = 7.49m.

[4.3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Th, yêu cầu phản tố của bà Thủy, A Lê B, chị Thúy H, chị Loan A và yêu cầu độc lập của bà Ch, bà H, bà Th, ông Thộc thấy rằng:

Bà Th và bà Đ yêu cầu công nh phần đất được ông Th và bà Th tặng cho diện tích 8.350,1m² Thộc thửa đất số 291 và 4 công tầm lớn tương đương diện tích 5.184m² Thộc thửa đất số 1097, việc bà Th và bà Đ cho rằng được ông Th và bà Th tặng cho L có cơ sở, được cAc đồng thừa kế và bị đơn thừa nh và đồng ý cho bà Th và bà Đ được hưởng nên được Hội đồng xét xử chấp nh.

Theo đơn yêu cầu phản tố của cAc bị đơn L yêu cầu được hưởng phần đất đang quản lý diện tích 8.363,5m², trong đó có phần đất ông Cuộc được tặng cho và phần còn lại yêu cầu được hưởng để thờ cúng ông bà. Yêu cầu phản tố của bị đơn được bà H, bà Th, bà Đ đồng ý, cAc đồng thừa kế còn lại đã nh được Tòa An tổng đạt hợp lệ thông bAo thụ lý yêu cầu phản tố Nhng không có ý kiến nên cần chấp nh yêu cầu phản tố của bị đơn giao cho bị đơn được hưởng diện tích 8.363,5m² L phù hợp. Vị trí phần đất bà Thủy, A Lê B, chị Thúy H, chị Loan A được hưởng Nh Su: Hướng đông: M3M15 = 193.19m; hướng tây: M1M2 = 180.17m; hướng nam: M1M15 = 46,78m; hướng bắc: M3M2 = 47,40m.

Đối với hàng thừa kế của ông Lân gồm bà N, A Đ và chị Ng Nhng chỉ có A Đ có ý kiến yêu cầu được hưởng phần đất cha A được tặng cho L 5 công tầm lớn, phần chưa chia A thống nhất giao cho bà Th và bà Đ hưởng; hàng thừa kế của ông Lân chị Ai S có ý kiến thống nhất giao kỷ phần thừa kế theo phAp luật của cha chị cho bà Th và bà Đ hưởng. Do đây L ý kiến của A Đ và chị Ai S, chưa được sự thống nhất của đồng thừa kế nên phần đất của ông Lân được tặng cho cũng Nh kỷ phần thừa kế mà ông Lân và ông Lân được hưởng sẽ được giao cho đồng thừa kế của ông Lân và ông Lân quản lý. Diện tích giao cho hàng thừa kế của ông Lân được hưởng L 7.377,3m², có vị trí Nh Su: Hướng bắc: Từ điểm M3 đo về hướng Đông dài 41,87m gọi L điểm M16 (M3M16 = 41.87m); Hướng nam: Từ điểm M15 đo về hướng nam dài 35,74m gọi L điểm M14 (M15M14 = 35,74m), M17M18 = 8.83m; hướng tây: M15M16 = 193.19m; Hướng đông: Từ điểm M14 đo về hướng bắc dài 100.80m gọi L điểm M18 (M14M18 = 100.80m); từ điểm M16 đo về hướng nam dài 102.32m gọi L điểm M17 (M16M17 = 102.32m). Diện tích giao cho hàng thừa kế ông Lân được hưởng L 896.8m², có vị trí Nh Su: Hướng đông: từ điểm M17 đo về hướng tây dài 103.61m gọi L điểm M13 (M17M13 = 103.61m); hướng tây: đoạn M18M14 = 100.80m; Hướng bắc: đoạn M17M18 = 8.83m; hướng nam: đoạn M14M13 = 9.59m.

Nh vậy, phần đất ông Th và bà Th chưa phân chia còn lại L 7.176,5m² được chia đều cho 8 kỷ phần, mỗi kỷ phần tương đương 897,1m², đối với kỷ phần của bà H, bà Ch, bà Th, ông Thộc thống nhất giao cho bà Th và bà Đ hưởng. Xét thấy đây L ý chí tự nguyện của đương sự, phù hợp với quy định của phAp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nh, cụ thể diện tích đất bà Th, bà Đ được hưởng diện tích 10.566,5m² Thộc thửa đất số 1097 tờ bản đồ số 10 tại ấp Nhị Ng, xã Trần Ph, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau. Có vị trí Nh Su: Hướng đông: Đoạn M6M12 =

224.59m; hướng tây: đoạn M16M17 = 102.32m, M17M13 = 103.61m; hướng nam: đoạn M13M12 = 61.71m; Hướng bắc: M6M16 = 43.22m.

Xét đề nghị của Viện kiểm sát Nhân dân huyện Đầm Dơi có cơ sở nên được chấp nhận.

[3.6] Về An phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức Th, miễn, giảm, Th, nộp, quản lý và sử dụng An phí và lệ phí Tòa An.

- Bà Th, bà Đ, bà H, bà Th, bà Ch, ông Thộc, chị A, A Ph và bà Đ không phải chịu do yêu cầu khởi kiện, yêu cầu độc lập được chấp nhận. Số tiền tạm ứng An phí của đương sự đã nộp được nhận lại.

- Bà Thủy, A Lê B, chị Thúy H, chị Loan A phải chịu An phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch L 300.000 đồng và An phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch L 22.416.000 đồng (giá vàng tại thời điểm xét xử L 9.120.000 đồng/chỉ).

[3.7] Về chi phí tố tụng: Đương sự phải chịu tương đương với kỉ phần thừa kế được hưởng. Tổng chi phí tố tụng bà Th đã nộp L 10.561.000 đồng, đương sự được hưởng thừa kế có nghĩa vụ nộp lại để hoàn trả cho bà Th.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 và khoản 5 Điều 26, Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 244 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 117, 119, 122, 123, 131, 501, 502, 649, 650, 651, 652 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 129, khoản 1 Điều 459, Điều 500 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 166, 167 luật đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức Th, miễn, giảm, Th, nộp, quản lý và sử dụng An phí và lệ phí Tòa An.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thang Thị Th, yêu cầu độc lập của bà Thang Thị Đ, bà Thang Thị H, bà Thang Thị Th, ông Thang Văn Thộc và bà Thang Thị Ch. Công nhận cho bà Th và bà Đ được hưởng các phần đất Su:

- Phần đất thứ nhất: Diện tích đất 8.350,1m² Thộc thừa đất số 291 tờ bản đồ số 10 tại ấp Nhị Ng, xã Trần Ph, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau, có vị trí Nh Su:

Hướng đông giáp đất Thang Quốc A đoạn M4M5 = 105,82m;

Hướng tây giáp đất Thang Văn Đoan đoạn M1M2 = 71,49m;

Hướng nam giáp kênh thủy lợi đoạn M1M5 = 132,10m

Hướng bắc giáp đất ông Trần Văn Chiêu đoạn M2M3 = 24,26m, đoạn M3M4 = 51,99m.

- Phần đất thứ hai: Diện tích 10.566,5m² Thộc thửa đất số 1097 tờ bản đồ số 10 tại ấp Nhị Ng, xã Trần Ph, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau, có vị trí Nh Su: Hướng đông: đoạn M6M12 = 224.59m; hướng tây: đoạn M16M17 = 102.32m, M17M13 = 103.61m; hướng nam: đoạn M13M12 = 61.71m; Hướng bắc: M6M16 = 43.22m.

2. Chấp nH yêu cầu phản tố của bà Thang Thị Thủy, A Thang Lê B, chị Thang Thị Loan A và chị Thang Thúy H. Công nH cho bà Thủy, A Lê B, chị Thúy H và chị Loan A được hưởng diện tích đất 8.363,5m² Thộc thửa đất số 1097 tờ bản đồ số 10 tại ấp Nhị Ng, xã Trần Ph, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau, có vị trí Nh Su: Hướng đông: đoạn M3M15 = 193.19m; hướng tây: đoạn M1M2 = 180.17m; hướng nam: đoạn M1M15 = 46,78m; hướng bắc: đoạn M3M2 = 47,40m.

3. Chấp nH yêu cầu độc lập của A Ph và chị A. Tuyên bố hợp đồng cầm cố đất giữa A Ph, chị A với ông Cuộc và bà Thủy lập năm 2021 L vô hiệu. Buộc A Ph và chị A giao lại toàn bộ phần đất cầm cố diện tích 18.840,5m² (đã phân chia cho cAc đồng thừa kế ông Th và bà Th), có vị trí Nh Su: Hướng đông: đoạn M6M12 = 224.59m; hướng tây: đoạn M3M15 = 193.19m; hướng nam: M12M15 = 107.04m; Hướng Bắc: M5M6 = 36.76m, M5M4 = 40.8m, M4M3 = 7.49m.

Buộc bà Thủy và đồng thừa kế của ông Cuộc gồm bà Thủy, chị Loan A, chị Thúy H và A Lê B cùng có nghĩa vụ trả cho A Ph và chị A 12 lượng vàng 24k.

4. Chấp nH yêu cầu độc lập của bà Thang Mỹ Đ. Công nH hiệu lực của hợp đồng chuyển Nhượng giữa bà Đ và ông Thộc lập ngày 4/8/2006 và hợp đồng chuyển Nhượng giữa bà Đ với ông Lấn lập ngày 12/12/2003 đối với phần đất diện tích 13.054,1m² Thộc thửa đất số 1097 tờ bản đồ số 10 tại ấp Nhị Ng, xã Trần Ph, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau, có vị trí Nh Su: Hướng Đông: đoạn M7M8 = 124,29m, M8M9 = 28.18, M9M10 = 55.55m; Hướng nam: đoạn M10M11 = 42.10m, từ điểm M11 đo về hướng nam dài 22.10m gọi L điểm M12 (M11M12 = 22.10m); hướng tây: M6M12 = 224.59m; hướng bắc: M6M7 = 59.27m.

5. Giao cho hàng thừa kế của ông Thang Văn Lân gồm: bà Trần Thị N, A Thang Hải Đ và chị Thang Thị Ng được hưởng diện tích đất L 7.377,3m² Thộc thửa đất số 1097 tờ bản đồ số 10 tại ấp Nhị Ng, xã Trần Ph, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau có vị trí Nh Su: Hướng bắc: M3M16 = 41.87m; Hướng nam: M15M14 = 35,74m, M17M18 = 8.83m; Hướng tây: M15M16 = 193.19m; Hướng đông: M14M18 = 100.80m; M16M17 = 102.32m.

6. Giao cho hàng thừa kế ông Thang Văn Lấn gồm: A Thang Văn T (Thang Đoàn Duy T), A Thang Văn Nh (Thang Đoàn Hữu Nghị), chị Thang Thị S (Thang Thị Ai S), chị Thang Thị Ch (Thang Thị Ng Ch), chị Thang Thị Ch (Thang Thị Trân Ch) và bà Đoàn Thị Ng được hưởng thừa kế diện tích đất L 896.8m² Thộc thửa đất số 1097 tờ bản đồ số 10 tại ấp Nhị Ng, xã Trần Ph, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau, có vị trí Nh Su: Hướng đông: M17M13 = 103.61m; hướng tây: đoạn M18M14 = 100.80m; Hướng bắc: đoạn M17M18 = 8.83m; hướng nam: đoạn M14M13 = 9.59m.

(Kèm theo mảnh đo đạc chỉnh lý thửa đất ngày 04/10/2024 của Chi nhAnh Văn phòng Đ ký đất đai huyện Đầm D)

7. Về chi phí tố tụng:

- Bà Thang Thị Th và bà Thang Thị Đ phải chịu: 4.110.000 đồng;
- Bà Thang Thị Thủy, A Thang Lê B, chị Thang Thị Loan A và chị Thang Thúy H phải chịu: 1.817.000 đồng;
- Bà Trần Thị N, A Thang Hải Đ và chị Thang Thị Ng phải chịu 3.021.000 đồng;
- Thang Văn T (Thang Đoàn Duy T), A Thang Văn Nh (Thang Đoàn Hữu Nghi), chị Thang Thị S (Thang Thị Ai S), chị Thang Thị Ch (Thang Thị Ng Ch), chị Thang Thị Ch (Thang Thị Trân Ch) và bà Đoàn Thị Ng phải chịu 1.613.000 đồng.

Bà Thang Thị Th đã nộp toàn bộ chi phí số tiền 10.561.000 đồng; cAc đương sự chịu chi phí tố tụng có nghĩa vụ nộp lại số tiền chi phí tố tụng trên tại Chi cục Thi hành An dân sự huyện Đầm D để hoàn trả cho bà Thang Thị Th.

Kể từ ngày bà Th có đơn yêu cầu thi hành An, nếu bà Thủy, A Lê B, chị Loan A và chị Thúy H chậm thi hành khoản tiền chi phí tố tụng trên, thì hàng tháng bà Thủy, A Lê B, chị Loan A và chị Thúy H còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

6. Về An phí dân sự sơ thẩm:

6.1. Bà Th, bà Đ, bà H, bà Th, bà Ch, ông Thộc, chị A, A Ph và bà Đ không phải chịu. Bà Th, bà Đ, bà H, bà Th, bà Ch đã nộp tạm ứng An phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai tạm ứng An phí lệ phí tòa An số 0002116, 0002117, 0002118, 0002119 cùng ngày 12/11/2023 tại Chi cục Thi hành An dân sự huyện Đầm D được nH lại; A Ph và chị A đã nộp tạm ứng An phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai tạm ứng An phí lệ phí tòa An số 0002095 ngày 07/11/2024 tại Chi cục Thi hành An dân sự huyện Đầm D được nH lại. Ông Thộc và bà Đ được miễn dự nộp An phí.

6.1. Bà Thủy, A Lê B, chị Loan A và chị Thúy H phải chịu An phí không có giA ngạch L 300.000 đồng và An phí có giA ngạch L 22.416.000 đồng (bà Thủy, A Lê B, chị Loan A và chị Thúy H có đơn xin giảm An phí và được xem xét giảm 50%).

Trường hợp bản An, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành An dân sự thì người được thi hành An dân sự, người phải thi hành An dân sự có quyền thỏa TH thi hành An, quyền yêu cầu thi hành An, tự nguyện thi hành An hoặc bị cưỡng chế thi hành An theo quy định tại cAc Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành An dân sự; thời hiệu thi hành An được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành An dân sự.

Đương sự có mặt có quyền Lm đơn kháng cAo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên An; đương sự vắng mặt có quyền Lm đơn kháng cAo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nH được bản An hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nH:

- Đương sự;
- Tòa An Nh dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sAt Nh dân huyện Đầm D;
- Chi cục Thi hành An dân sự huyện Đầm D;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ An.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PH - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Ng Mai